

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

## CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Trần Đông Âu	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Lee SangSeok	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Cho Chang Hyun	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)

##### Ban Điều hành

Ông Bạch Dương	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Khánh Trình**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 06/2024/BCKT – CPAMB1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**  
**Công ty cổ phần Clever Group**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group, được lập ngày 28/03/2024 từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không nhằm phủ định ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 31/12/2023 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong năm, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi ngày 22/05/2023 và tài sản đảm bảo của lô trái phiếu này đang bị phong tỏa để điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Trang

**Nguyễn Thị Hồng Liên**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**Nguyễn Quỳnh Trang**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2023-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>264.500.307.724</b>	<b>249.663.496.891</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>32.498.173.579</b>	<b>34.814.577.683</b>
1. Tiền	111		32.498.173.579	27.014.577.683
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>158.790.000.000</b>	<b>95.833.906.277</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		158.790.000.000	95.833.906.277
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.087.089.711</b>	<b>115.759.899.266</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	59.225.394.305	66.552.445.472
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.164.535.804	965.145.281
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.451.793.496	3.387.620.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	7.602.995.777	45.212.318.183
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(357.629.671)	(357.629.671)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>2.009.453.522</b>	<b>1.401.933.598</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.009.453.522	1.401.933.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.115.590.912</b>	<b>1.853.180.067</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	518.254.896	569.772.997
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		60.421.395	439.380.129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	536.914.621	844.026.941
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>185.393.833.826</b>	<b>160.059.159.882</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.299.769.291</b>	<b>40.078.700.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	5.299.769.291	40.078.700.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.389.283.110</b>	<b>10.294.354.856</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	4.832.173.610	6.169.681.453
- Nguyên giá	222		14.339.493.001	14.339.493.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.507.319.391)	(8.169.811.547)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	3.557.109.500	4.124.673.404
- Nguyên giá	228		4.780.511.265	4.780.511.265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.223.401.765)	(655.837.861)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.13	<b>43.883.603.675</b>	<b>4.917.774.635</b>
- Nguyên giá	231		43.883.603.675	4.917.774.635
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.10	<b>40.216.000</b>	<b>1.639.396.885</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.216.000	1.639.396.885
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>127.563.137.090</b>	<b>102.822.045.147</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.684.761.645	11.651.702.392
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		115.878.375.445	91.170.342.755
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>217.824.660</b>	<b>306.888.357</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	217.824.660	249.777.527
2. Lợi thế thương mại	269	5.14	-	57.110.830
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>449.894.141.551</b>	<b>409.722.656.773</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>103.725.123.616</b>	<b>84.998.068.448</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>100.784.993.780</b>	<b>82.180.916.257</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	25.057.268.854	33.271.176.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	7.829.333.562	5.440.505.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	13.187.456.591	15.726.307.184
4. Phải trả người lao động	314		2.617.041.631	2.234.113.525
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	4.862.068.389	179.130.390
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	923.578.375	811.363.694
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	46.308.246.378	24.518.320.389
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.940.129.836</b>	<b>2.817.152.191</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.22	2.940.129.836	2.817.152.191
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>346.169.017.935</b>	<b>324.724.588.325</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>346.169.017.935</b>	<b>324.724.588.325</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(423.062.122)	(515.852.328)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.015.639.912	84.936.384.267
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		84.936.384.268	35.980.087.238
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.079.255.644	48.956.297.029
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.736.290.145	26.463.906.385
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>449.894.141.551</b>	<b>409.722.656.773</b>



NGUYỄN THỊ NGÀ

Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN

Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	411.871.183.400	536.831.515.880
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>411.871.183.400</b>	<b>536.831.515.880</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6,2	333.785.749.261	444.183.172.889
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>78.085.434.139</b>	<b>92.648.342.991</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6,3	15.644.059.633	25.763.513.797
7. Chi phí tài chính	22	6,4	4.193.778.271	9.577.554.881
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.795.023.476	9.152.006.170
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		31.505.884	(1.812.324.744)
9. Chi phí bán hàng	25	6,5	27.187.986.035	21.251.368.034
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6,5	31.049.471.776	24.599.244.248
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>31.329.763.574</b>	<b>61.171.364.881</b>
12. Thu nhập khác	31	6,7	241.416.382	6.697.535.459
13. Chi phí khác	32	6,7	1.350.633.983	2.346.821.122
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.109.217.601)</b>	<b>4.350.714.337</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>30.220.545.973</b>	<b>65.522.079.218</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6,8	7.855.123.006	12.302.451.711
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6,9	122.977.645	536.955.482
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>22.242.445.322</b>	<b>52.682.672.025</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		20.079.255.644	48.956.297.029
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		2.163.189.678	3.726.374.996
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	939	2.458
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		939	2.458



NGUYỄN THỊ NGÀ  
Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***Theo phương pháp gián tiếp*

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.220.545.973	65.522.079.218
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.905.071.748	1.996.927.915
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(63.763.779)	94.789.439
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.405.306.317)	(24.752.833.921)
- Chi phí lãi vay	06	3.795.023.476	9.152.006.170
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	20.451.571.101	52.012.968.821
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	45.113.254.183	9.791.799.489
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(607.519.924)	5.452.528.249
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.351.173.719)	(32.928.169.507)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	258.022.783	1.759.315.413
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.765.845.415)	(9.130.883.921)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.350.841.568)	(11.803.008.189)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.747.467.440	15.154.550.354
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(28.254.068.774)	(6.551.888.133)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	2.287.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(262.558.571.492)	(667.832.975.435)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	174.988.617.550	720.415.953.544
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.135.810.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.918.763.089	23.138.236.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(100.905.259.627)	66.320.788.836
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.565.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	256.715.135.883	419.915.533.104
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(199.925.209.894)	(478.741.320.866)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(892.359.287)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	55.897.566.702	(57.260.787.762)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	(2.260.225.485)	24.214.551.428
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.814.577.683	10.590.235.550
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(56.178.618)	9.790.705
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.498.173.579	34.814.577.683

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



*Nguyễn Thị Nga*  
NGUYỄN THỊ NGÀ  
Người lập

*Nguyễn Thị Nga*  
NGUYỄN THỊ NGÀ  
Kế toán trưởng

*Đón Nữ Đức Hiền*  
ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN  
Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2023 là 258 người; cán bộ quản lý là 10 người (Tại ngày 31/12/2022, tổng số cán bộ nhân viên là 280 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Dịch vụ quảng cáo
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần số hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
	<b>Công ty con</b>		(%)	(%)	
5.	Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6.	Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7.	Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
8.	Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9.	Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10.	Công ty cổ phần AGLOBAL	Việt Nam	85	85	Công nghệ thông tin (trừ hoạt động báo chí) chi tiết thiết lập mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử
11.	Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
	<b>Công ty liên kết</b>				
1.	Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2.	Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3.	Công ty TNHH VKIDS VN	Việt Nam	39	39	Xuất bản phần mềm
4.	Công ty CP công nghệ Lazi	Việt Nam	48,8	48,8	Quảng cáo
5.	Công ty CP TECHCEN (i)	Việt Nam	29,3	29,3	Lập trình máy vi tính

(i) Công ty TNHH ADOP Vietnam đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp và Công ty CP TECHCEN đã có quyết định giải thể từ ngày 25/08/2023.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2023 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng	Tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2023. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất, lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty PT CLEVER ADS và Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES được lập bằng Rupiah Indonesia (IDR) và đồng Peso Philippine (PHP) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 02 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Lãi từ giao dịch mua rẻ**

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết:***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
Máy móc, thiết bị	04 năm

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và bản quyền, bằng sáng chế được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm và giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 08 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 18 đến 36 tháng.

**Tiền thuê văn phòng trả trước**

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang thuê. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

**Các chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm cước phí internet và thuê dịch vụ máy chủ được phân bổ trong thời gian 12 tháng và 15 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay và chi phí thuê văn phòng phải trả, chi phí trích trước của các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh quảng cáo và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam (do doanh thu của công ty con ở nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ) nên báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt tại quỹ	8.893.043.906	3.946.204.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.605.129.673	23.068.373.660
Các khoản tương đương tiền	-	7.800.000.000
<b>Tổng</b>	<b>32.498.173.579</b>	<b>34.814.577.683</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>158.790.000.000</b>	<b>158.790.000.000</b>	<b>95.833.906.277</b>	<b>95.833.906.277</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	152.490.000.000	152.490.000.000	33.971.235.126	33.971.235.126
- Trái phiếu (i)	6.300.000.000	6.300.000.000	61.862.671.151	61.862.671.151
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	-	-	55.362.671.151	55.362.671.151
<i>Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land (5)</i>	6.300.000.000	6.300.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>115.878.375.445</b>	<b>115.878.375.445</b>	<b>91.170.342.755</b>	<b>91.170.342.755</b>
- Trái phiếu	115.878.375.445	115.878.375.445	91.170.342.755	91.170.342.755
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	60.337.669.811	60.337.669.811	4.975.000.000	4.975.000.000
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (2)</i>	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐắkPsi</i>	-	-	30.599.904.399	30.599.904.399
<i>Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương (3)</i>	4.987.301.000	4.987.301.000	4.987.301.370	4.987.301.370
<i>Công ty CP thương mại công nghệ An Phát (4)</i>	553.404.634	553.404.634	608.136.986	608.136.986
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>274.668.375.445</b>	<b>274.668.375.445</b>	<b>187.004.249.032</b>	<b>187.004.249.032</b>

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng được phân loại vào ngắn hạn và các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được phân loại vào dài hạn với lãi suất đầu tư từ 8% - 11,123%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn; chi tiết như sau:

(1): Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 18/06/2020 và 28/07/2020, ngày đáo hạn 18/06/2023 và 28/07/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo thỏa thuận ngày 05/02/2024 giữa Saigon Glory và các trái chủ, các lô trái phiếu từ SGL-2020.01 đến SGL-2020.03 có ngày đáo hạn là tháng 6/2023 sẽ gia hạn đến tháng 06/2025, lô trái phiếu SGL-2020.04 và SGL-2020.05 có ngày đáo hạn là tháng 7/2023 sẽ gia hạn đến tháng 07/2025; 05 lô trái phiếu còn lại từ SGL-2020.06 đến SGL-2020.10 có ngày đáo hạn là tháng 8/2025 sẽ gia hạn đến tháng 11/2026. Trong thời gian gia hạn, các lô trái phiếu áp dụng lãi suất 8%/năm; kỳ hạn tính lãi đổi thành 12 tháng/kỳ kể từ ngày gia hạn.

(2): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m<sup>2</sup> đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn.

(3): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 23/08/2021, ngày đáo hạn 23/08/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,123%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền khai thác quặng sắt tại Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt Mỏ sắt Ba Hòn - Làng Lếch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1408/GP-BTNMT cấp ngày 29/08/2012 của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai, toàn bộ máy móc thiết bị theo bảng kê chi tiết TSCĐ thuộc sở hữu của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND và phần vốn góp của ông Vũ Quang Bảo trong Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO có giá trị 200.000.000.000 VND (chiếm 3,2% vốn điều lệ). Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

(4): Trái phiếu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát có kỳ hạn 08 năm, ngày phát hành 30/12/2020, ngày đáo hạn 30/12/2028; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11%/năm. Tài sản đảm bảo là số cổ phần của ông Nguyễn Mạnh Hà (388.500 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ) tại Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát; toàn bộ quyền và lợi ích theo các hợp đồng cho thuê văn phòng và các dịch vụ quản lý cho thuê văn phòng liên quan đến công trình "Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu" (Tòa nhà An Phát); giấy chứng nhận quyền sở hữu 700m<sup>2</sup> đất và tài sản hình thành trên đất là Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(5): Trái phiếu của Công ty CP Hưng Thịnh Land có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 31/08/2020, ngày đáo hạn 31/08/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,374%/năm. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL 004) là quyền sử dụng 75.482,4 m<sup>2</sup> đất tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thời hạn sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28/06/2005 của Công ty TNHH du lịch Minh Tuấn Sông Ray; 25.758.400 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh và 4.241.600 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của ông Lê Ngọc Triều; 76.000.000 cổ phần của bà Cao Thị Tuyết, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP du lịch Minh Tuấn Sông Ray (chiếm 100% vốn điều lệ); các quyền tài sản phát sinh tương lai từ hoặc liên quan đến "Dự án Hồ Tràm Complex" tại xã Phước Thuận, huyện Xuân Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do Công ty TNHH Du lịch Minh Tuấn Sông Ray là chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(5): Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL 007) là 40.000 cổ phần của ông Lê Ngọc Triều tại Công ty CP Hưng Thịnh Land; 18.000.000 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh; 49.500.000 cổ phần của ông Khuất Tùng Phong, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Dịch vụ giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa (chiếm 100% vốn điều lệ); quyền sử dụng thửa đất số 342, 347, 346, 343, 344 và 345 tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; tất cả các quyền tài sản (không bao gồm quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở) phát sinh từ hoặc liên quan đến dự án đầu tư Khu thương mại dịch vụ cao ốc văn phòng kết hợp khu dân cư tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa làm chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(5): Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu HTL-H2023-007 ngày 27/11/2023, trái phiếu HTL-H2023-007 có ngày đáo hạn là 31/08/2023 sẽ gia hạn đến 30/11/2024; trong thời gian gia hạn, kỳ hạn tính lãi đổi thành 01 tháng/kỳ kể từ ngày gia hạn. Đối với lô trái phiếu HTK-H2023-004 do Công ty CP Hưng Thịnh Land chưa hoàn tất việc mua lại trước hạn toàn bộ lô trái phiếu theo yêu cầu của Đại diện người sở hữu trái phiếu, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định đã có công văn số 2142/TB-VCBTDN ngày 10/10/2023 thông báo nội dung cuộc họp liên quan đến xử lý tài sản đảm bảo là bất động sản Hồ Tràm Complex, tài sản thế chấp của Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Minh Tuấn Sông Ray và tiến trình thực hiện các bước xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ cho các trái chủ.

**b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

	31/12/2023 (VND)				01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	DP	GTHL	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Mạng quảng cáo thông minh	1.473.885.018	-	-	-	1.473.885.018	-
Công ty TNHH ADOP Vietnam	2.095.618.085	-	-	-	2.094.064.716	-
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	3.262.930.468	-	-	-	3.205.011.579	-
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	4.435.690.605	-	-	-	4.460.855.753	-
Công ty cổ phần TECHCEN	416.637.469	-	-	-	417.885.327	-
<b>Tổng</b>	<b>11.684.761.645</b>	-	-	-	<b>11.651.702.392</b>	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư y tế Quốc tế	1.320.000.000	836.000.000
Công ty TNHH Giải trí viễn thông	1.323.021.166	-
Công ty CP Đầu tư VAM	1.061.291.218	140.654.296
Công ty TNHH AEONMALL HIMLAM	932.201.838	461.542.017
Công ty cổ phần TIKI	3.637.513.934	14.381.692.147
Tổng công ty hàng không Việt Nam	7.986.987.180	9.638.558.686
Công ty TNHH Nha khoa Kim	1.879.818.221	2.286.257.318
Công ty TNHH PP THACO AUTO	708.300.000	1.735.020.000
Công ty cổ phần NOVAREAL	4.231.869.649	3.651.735.588
Công ty TNHH Wine Việt Nam	1.030.938.400	209.400.379
Công ty CP Hàng tiêu dùng MASSAN	1.301.517.140	158.122.800
Các khách hàng khác	33.811.935.559	33.053.462.241
<b>Tổng</b>	<b>59.225.394.305</b>	<b>66.552.445.472</b>

*Trong đó:*

<b>Phải thu khách hàng là các bên LQ</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)	<b>1.181.151.932</b>	<b>412.753.303</b>
---	----------------------	--------------------

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ông Đặng Trọng Toàn	-	360.000.000
Công ty CP Kiến trúc XD 88 Việt	600.000.000	-
Công ty TNHH Kiến trúc XD Mộc Xanh	197.299.872	-
Công ty CP Quản lý và khai thác tòa nhà VNPT	72.000.000	-
Công ty TNHH Giải Trí số IM Việt Nam	121.000.000	66.825.000
Công ty TNHH TVTK phần mềm Cánh Cam	-	280.000.000
Các nhà cung cấp khác	174.235.932	258.320.281
<b>Tổng</b>	<b>1.164.535.804</b>	<b>965.145.281</b>

**5.5 Phải thu về cho vay**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.451.793.496</b>	<b>3.387.620.000</b>
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH DV KT điện và xúc tiến TM (i)	1.500.000.000	2.500.000.000
Ông Thái Thanh Long	451.793.496	387.620.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>2.451.793.496</b>	<b>3.387.620.000</b>

(i): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản vay có thời hạn trong 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 10%/năm đến 11.5%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5.6 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.602.995.777</b>	<b>45.212.318.183</b>
- Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	3.005.459.195	12.502.222.756
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.482.369.232	2.777.100.581
- Lãi dự thu trái phiếu	-	662.004.505
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	220.453.698	756.223.259
- Phải thu tạm ứng	-	6.300.000.000
- Phải thu khác	894.713.652	22.214.767.082
+ Phải thu ông Nguyễn Khánh Trinh	-	20.900.000.000
+ Phải thu thuế GTGT nhà thầu tháng 12	891.058.200	1.273.569.062
+ Phải thu khác	3.655.452	41.198.020
<b>Dài hạn</b>	<b>5.299.769.291</b>	<b>40.078.700.000</b>
- Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	5.010.000.000	40.010.000.000
- Phải thu dài hạn khác	289.769.291	68.700.000
<b>Cộng</b>	<b>12.902.765.068</b>	<b>85.291.018.183</b>

Trong đó:

Số dư các khoản phải thu khác với bên LQ

- 24.700.000.000

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 31/12/2023 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chi tiết như sau:
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
  - Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 691.832.524 đồng.
  - Các khoản bảo lãnh đảm bảo hợp đồng với số tiền là 1.313.626.671 đồng.
- (ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:
- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01\_270 với giá trị ghi sổ tại 31/12/2023 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 8,1%/năm, kỳ hạn 10 năm.

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	49.745.079	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	145.949.280	-
<b>Tổng</b>	<b>357.629.671</b>	<b>-</b>	<b>357.629.671</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	2.009.453.522	-	1.401.933.598	-
<b>Cộng</b>	<b>2.009.453.522</b>	<b>-</b>	<b>1.401.933.598</b>	<b>-</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>518.254.896</b>		<b>569.772.997</b>	
- Chi phí thuê văn phòng	40.454.333		164.491.142	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	477.800.563		372.732.331	
- Chi phí trả trước khác	-		32.549.524	
<b>Dài hạn</b>	<b>217.824.660</b>		<b>249.777.527</b>	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	188.481.834		249.777.527	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	29.342.826		-	
<b>Cộng</b>	<b>736.079.556</b>		<b>819.550.524</b>	

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
<b>Đầu tư mua sắm tài sản cố định</b>	<b>40.216.000</b>		<b>1.639.396.885</b>	
- Chi phí đầu tư phần mềm về CSDL	-		1.639.396.885	
- Chi phí sửa chữa văn phòng	40.216.000		-	
<b>Tổng</b>	<b>40.216.000</b>		<b>1.639.396.885</b>	

**5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy móc và thiết bị	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	13.813.197.727	336.593.455	189.701.819	14.339.493.001
Tại ngày 31/12/2023	13.813.197.727	336.593.455	189.701.819	14.339.493.001
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	7.643.516.273	336.593.455	189.701.819	8.169.811.547
Khấu hao trong năm	1.337.507.844	-	-	1.337.507.844
Tại ngày 31/12/2023	8.981.024.117	336.593.455	189.701.819	9.507.319.391
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2023	6.169.681.454	-	-	6.169.681.454
Tại ngày 31/12/2023	4.832.173.610	-	-	4.832.173.610

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 7.066.917.909 VND (ngày 31/12/2022: 4.354.845.182 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	4.380.511.265	400.000.000	-	4.780.511.265
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>4.380.511.265</b>	<b>400.000.000</b>	-	<b>4.780.511.265</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	547.563.912	108.273.949	-	655.837.861
Khấu hao trong năm	547.563.912	19.999.992	-	567.563.904
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.095.127.824</b>	<b>128.273.941</b>	-	<b>1.223.401.765</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2023	3.832.947.353	291.726.051	-	4.124.673.404
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>3.285.383.441</b>	<b>271.726.059</b>	-	<b>3.557.109.500</b>

**5.13 Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>4.917.774.635</b>	<b>38.965.829.040</b>	-	<b>43.883.603.675</b>
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	4.917.774.635	38.965.829.040	-	43.883.603.675
<b>TỒN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ</b>	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>4.917.774.635</b>	<b>38.965.829.040</b>	-	<b>43.883.603.675</b>
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	4.917.774.635	38.965.829.040	-	43.883.603.675

(\*): Ngày 30/06/2023, Công ty có mua biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Tiên Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Khánh Trình - Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán biệt thự có chứng nhận của Văn phòng công chứng Thanh Xuân với giá thỏa thuận là 29.213.879.040 đồng. Việc mua bán nêu trên đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tại Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09.2023 ngày 30.06.2023 và biên bản số 12/2023 ngày 25/12/2023. Giá trị chuyển nhượng căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 231024/CTTĐG-CALIVA ngày 30/11/2023.

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Tiên Xuân, huyện Thạch Thất, Hà Nội và ô số 13 khu biệt thự 500 căn phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5.14 Lợi thế thương mại**

	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2023	8.264.317.556
Tăng trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<u><b>8.264.317.556</b></u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2023	8.207.206.726
Khấu hao trong năm	57.110.830
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<u><b>8.264.317.556</b></u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2023	57.110.830
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<u><u><b>-</b></u></u>

0165-  
TY  
HẠN  
GROUP  
I-T.P.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương Mại TIKI	46.991.730	46.991.730	222.583.249	222.583.249
Meta Platforms Ireland Limited	14.350.590.907	14.350.590.907	13.223.103.935	13.223.103.935
Google Ireland Ltd	5.536.731.325	5.536.731.325	16.407.336.096	16.407.336.096
Công ty TNHH TM và Truyền thông Biển Đông	35.478.000	35.478.000	206.528.400	206.528.400
Công ty cổ phần Forza	427.377.864	427.377.864	747.076.512	747.076.512
Công ty CP MARUP	473.440.000	473.440.000	-	-
Công ty TNHH THE 1ST MANAGEMENT	1.269.000.000	1.269.000.000	-	-
Công ty CP Quảng cáo thương mại Sen Vàng	-	-	334.271.996	334.271.996
Các nhà cung cấp khác	2.917.659.028	2.917.659.028	2.130.275.886	2.130.275.886
<b>Tổng</b>	<b>25.057.268.854</b>	<b>25.057.268.854</b>	<b>33.271.176.074</b>	<b>33.271.176.074</b>

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ VN	977.076.000	977.076.000	20.337.027	20.337.027
Công ty CP Tập đoàn MEEY LAND	120.231.738	120.231.738	149.019.466	149.019.466
Công ty CP Chứng khoán PINETREE	9.261.000	9.261.000	486.233.796	486.233.796
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	127.431.547	127.431.547	538.054.851	538.054.851
Công ty TNHH GRAB	23.162.599	23.162.599	313.500.000	313.500.000
Công ty CP Bệnh viện mắt Ánh Sáng	388.800.000	388.800.000	-	-
Công ty N&VBridge Co., Ltd	326.960.000	326.960.000	-	-
Công ty TNHH TCIE Việt Nam	204.822.000	204.822.000	-	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	262.287.999	262.287.999	65.955.458	65.955.458
Công ty TNHH MEGA LIFESCIENCES (VN)	187.200.000	187.200.000	-	-
Công ty TNHH Vệ đẹp FRANCLIA	177.162.000	177.162.000	-	-
Công ty CP CON CUNG	115.740.500	115.740.500	-	-
Các khách hàng khác	4.909.198.179	4.909.198.179	3.867.404.402	3.867.404.402
<b>Tổng</b>	<b>7.829.333.562</b>	<b>7.829.333.562</b>	<b>5.440.505.000</b>	<b>5.440.505.000</b>

**5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.808.725.568	22.919.528.588	(23.506.717.755)	5.221.536.401
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.283.501.955	7.855.123.006	(10.350.841.568)	4.787.783.393
Thuế thu nhập cá nhân	469.969.608	3.483.086.113	(2.654.418.810)	1.298.636.911
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	2.164.110.053	13.925.914.072	(14.210.524.239)	1.879.499.886
<b>Tổng</b>	<b>15.726.307.184</b>	<b>48.183.651.779</b>	<b>(50.722.502.372)</b>	<b>13.187.456.591</b>

**5.18 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	536.914.621	844.026.941
<b>Tổng</b>	<b>536.914.621</b>	<b>844.026.941</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	29.178.061	21.122.249
Chi phí thuê văn phòng	913.202.892	-
Chi phí thuê ngoài của các dự án	3.919.687.436	158.008.141
<b>Tổng</b>	<b>4.862.068.389</b>	<b>179.130.390</b>

**5.20 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	382.950.126	382.950.126	428.996.988	428.996.988
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	465.935.014	465.935.014	382.366.706	382.366.706
+ <i>Phải trả Lê Anh Quân</i>	<i>325.385.500</i>	<i>325.385.500</i>	<i>325.385.500</i>	<i>325.385.500</i>
+ <i>Phải trả Công ty Dược Bình Định</i>	<i>102.468.996</i>	<i>102.468.996</i>	-	-
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>38.080.518</i>	<i>38.080.518</i>	<i>56.981.206</i>	<i>56.981.206</i>
Nhận kỹ quỹ, ký cược	74.693.235	74.693.235	-	-
<b>Tổng</b>	<b>923.578.375</b>	<b>923.578.375</b>	<b>811.363.694</b>	<b>811.363.694</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

## 5.21 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Trong năm		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>41.582.227.045</b>	<b>41.582.227.045</b>	<b>173.511.447.495</b>	<b>(153.344.834.039)</b>	<b>21.415.613.589</b>	<b>21.415.613.589</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long	-	-	86.216.187.590	(107.631.801.179)	21.415.613.589	21.415.613.589
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (i)	41.582.227.045	41.582.227.045	87.295.259.905	(45.713.032.860)	-	-
<b>Dư nợ tín dụng</b>	<b>4.726.019.333</b>	<b>4.726.019.333</b>	<b>83.203.688.388</b>	<b>(81.580.375.855)</b>	<b>3.102.706.800</b>	<b>3.102.706.800</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	3.810.818.026	3.810.818.026	63.018.073.649	(61.673.836.267)	2.466.580.644	2.466.580.644
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Nam Đồng (iii)	318.089.255	318.089.255	848.089.255	(530.000.000)	-	-
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iv)	597.112.052	597.112.052	19.337.525.484	(19.376.539.588)	636.126.156	636.126.156
<b>Tổng</b>	<b>46.308.246.378</b>	<b>46.308.246.378</b>	<b>256.715.135.883</b>	<b>(234.925.209.894)</b>	<b>24.518.320.389</b>	<b>24.518.320.389</b>

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số HK1-HĐCTD/23071 ngày 05/7/2023, giới hạn cấp tín dụng là 70 tỷ đồng (hạn mức thế tin dụng là 15 tỷ đồng), thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (từ 05/07/2023 đến 04/07/2024). Khoản vay được giải ngân theo từng kế ước có thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất từ 4,6% - 5,3%. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của bên thứ ba.

(ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 15.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

(iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Nam đồng, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho các nhà thầu nước ngoài. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 25,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

(iv) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ sổ tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 1.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

**5.22 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả  
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
	20%	20%
	2.940.129.836	2.817.152.191
<b>Tổng</b>	<b>2.940.129.836</b>	<b>2.817.152.191</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.23 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>198.890.980.000</b>	<b>34.940.000</b>	<b>11.734.871.585</b>	<b>586.079.683</b>	<b>58.205.806.097</b>	<b>269.452.677.364</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	14.914.230.000	-	-	-	(14.914.230.000)	-
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	11.002.659.804	-	2.216.171.565	13.218.831.369
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	3.726.374.996	-	48.956.297.029	52.682.672.025
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.101.932.011)	-	(1.101.932.011)
Giảm khác	-	-	-	-	(9.527.660.424)	(9.527.660.424)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	<b>26.463.906.385</b>	<b>(515.852.328)</b>	<b>84.936.384.267</b>	<b>324.724.588.325</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	2.163.189.678	-	20.079.255.644	22.242.445.322
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	92.790.206	-	92.790.206
Tăng khác	-	-	1.553.369	-	-	1.553.369
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	(892.359.287)	-	-	(892.359.287)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	<b>27.736.290.145</b>	<b>(423.062.122)</b>	<b>105.015.639.912</b>	<b>346.169.017.935</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5.23 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trinh	59.828.350.000	59.828.350.000
FSN Asia Private Ltd (tên cũ là YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD)	82.859.430.000	85.612.430.000
Các cổ đông khác	71.117.430.000	68.364.430.000
<b>Tổng</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>213.805.210.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	Năm 2023 (VND)	Năm 2022 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	213.805.210.000	198.890.980.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	14.914.230.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	213.805.210.000	213.805.210.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**5.24 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

	31/12/2023	01/01/2023
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	3.067.208.816	3.405.825.923
Trên 01 năm đến 05 năm	3.592.453.924	3.106.837.833
<b>Tổng</b>	<b>6.659.662.740</b>	<b>6.512.663.756</b>

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	97.012,83	22.905,73

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	411.871.183.400	536.831.515.880
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	-
<b>Tổng</b>	<b>411.871.183.400</b>	<b>536.831.515.880</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	<b>3.927.512.886</b>	<b>8.659.136.859</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	333.785.749.261	444.183.172.889
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	-
<b>Tổng</b>	<b>333.785.749.261</b>	<b>444.183.172.889</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	15.405.306.317	24.960.057.825
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.516.227	189.516.227
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.237.090	613.939.745
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>15.644.059.633</b>	<b>25.763.513.797</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	3.795.023.476	9.152.006.170
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	398.754.794	425.548.711
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>4.193.778.270</b>	<b>9.577.554.881</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	15.065.536.117	12.056.102.448
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.258.013.961	390.734.160
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	1.423.259.398	1.824.546.564
Thuế, phí và lệ phí	1.406.804.990	154.427.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.031.099.518	8.431.212.415
Chi phí khác bằng tiền	1.864.757.792	1.742.221.259
<b>Tổng</b>	<b>31.049.471.776</b>	<b>24.599.244.248</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	24.762.121.712	20.252.086.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.167.655.412	730.112.782
Chi phí khác bằng tiền	258.208.911	269.168.803
<b>Tổng</b>	<b>27.187.986.035</b>	<b>21.251.368.034</b>

**6.6 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>241.416.382</b>	<b>6.697.535.459</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	95.550.000
- Xử lý số dư công nợ	164.736	92.290.883
- Thu nhập phát sinh từ giao dịch mua rẻ	-	6.473.152.649
- Các khoản khác	241.251.646	36.541.927
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.350.633.983</b>	<b>2.346.821.122</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	27.601.406
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	528.846.003	694.668.827
- Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	3.928.634	269.456.683
- Chi ủng hộ, tài trợ	-	228.000.000
- Phạt vi phạm hợp đồng	342.842.000	752.146.400
- Các khoản khác	475.017.346	374.947.806
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)</b>	<b>(1.109.217.601)</b>	<b>4.350.714.337</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.258.013.961	390.734.160
Chi phí nhân công	48.169.210.848	42.241.708.652
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	1.962.182.578	2.339.592.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.341.679.013	464.952.750.448
Chi phí khác bằng tiền	6.704.046.127	23.788.468.246
<b>Tổng</b>	<b>315.435.132.527</b>	<b>533.713.254.399</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**6.8 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.832.752.789	12.116.501.955
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	22.370.217	185.949.756
<b>Tổng</b>	<b>7.855.123.006</b>	<b>12.302.451.711</b>

**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	122.977.645	536.955.482
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	614.888.226	2.684.777.408
<b>Tổng</b>	<b>122.977.645</b>	<b>536.955.482</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.079.255.644	48.956.297.029
Các khoản điều chỉnh	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>20.079.255.644</b>	<b>48.956.297.029</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	21.380.521	19.913.615
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>939</b>	<b>2.458</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	Năm 2023	Năm 2022
Các giao dịch phi tiền tệ khác		
+ Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.918.160.000

**8. THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Các khoản cam kết**

**Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.
- Tiền thuê 407,5 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 28/07/2023.
- Tiền thuê 80,24 m<sup>2</sup> văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022.
- Tiền thuê 108 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/08/2023.
- Tiền thuê 145,45 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 27.670.408 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/12/2020. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/12/2023.

**Cam kết vốn**

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2023, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**8.2 Thông tin về các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN (*)	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty FSN Asia Private Ltd	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

(\*): Công ty cổ phần TECHCEN đã có thông báo giải thể từ ngày 25/08/2023 gửi Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

**a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền lương và phụ cấp	3.515.625.899	3.578.382.434
<b>Tổng</b>	<b>3.515.625.899</b>	<b>3.578.382.434</b>

**Thù lao Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch	774.000.000	676.354.800
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	527.982.979	483.803.195
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên	502.790.698	478.355.070
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (đã miễn nhiệm)	360.000.000	522.357.088
Ông Trần Đông Âu	Thành viên	-	-
Ông Lee SangSeok	Thành viên	-	-
Ông Cho Chang Huyn	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	-
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	-
Ông Trần Anh Nam	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên	-	-
<b>Tổng</b>		<b>2.164.773.677</b>	<b>2.160.870.153</b>

**Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Bạch Dương	Giám đốc (đã miễn nhiệm)	410.000.000	659.831.081
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	301.950.000	315.480.000
Bà Nguyễn Thị Hồi	Kế toán trưởng (đã miễn nhiệm)	-	442.201.200
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	638.902.222	-
<b>Tổng</b>		<b>1.350.852.222</b>	<b>1.417.512.281</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**a. Giao dịch với bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Bán hàng hóa dịch vụ</b>				
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	2.526.388.132	2.938.368.254
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.399.666.577	3.996.523.315
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.458.177	230.969.246
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	1.493.276.044
<b>Tổng</b>			<b>3.927.512.886</b>	<b>8.659.136.859</b>
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>				
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua dịch vụ	-	-
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Mua biệt thự	29.213.879.040	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền mua biệt thự	29.213.879.040	-
<b>Phải thu khác</b>				
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Chuyển nhượng trái phiếu	-	20.900.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng TH dự án	-	3.800.000.000
Ông Bạch Dương	Giám đốc	Tạm ứng TH dự án	-	2.500.000.000

**b. Số dư với các bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	1.181.151.932	412.753.303
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	731.090.932	137.470.754
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	-	110.855.560
		450.061.000	164.426.989
<b>Phải thu khác</b>			
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	-	24.700.000.000
Ông Bạch Dương	Giám đốc	-	24.700.000.000
		-	2.500.000.000

**8.3 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	411.871.183.400	-	-	411.871.183.400
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>411.871.183.400</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>411.871.183.400</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**8.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
<b>Chi phí kinh doanh</b>	<b>392.023.207.072</b>	-	-	<b>392.023.207.072</b>
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	333.785.749.261	-	-	333.785.749.261
- Chi phí bán hàng	27.187.986.035	-	-	27.187.986.035
- Chi phí QLDN	31.049.471.776	-	-	31.049.471.776
<b>Kết quả HĐKD</b>	<b>19.847.976.328</b>	-	-	<b>19.847.976.328</b>
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	11.481.787.247	11.481.787.247
- Lợi nhuận khác	-	-	(1.109.217.601)	(1.109.217.602)
<b>LN/(lỗ) trước thuế</b>	<b>19.847.976.328</b>	-	<b>10.372.569.646</b>	<b>30.220.545.973</b>
Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
tiền	32.498.173.579	-	-	32.498.173.579
Các khoản đầu tư tài chính	11.684.761.645	-	274.668.375.445	286.353.137.090
Các khoản phải thu	71.684.036.072	-	3.702.822.930	75.386.859.002
Hàng tồn kho	2.009.453.522	-	-	2.009.453.522
Tài sản khác	1.373.631.572	-	-	1.373.631.573
Tài sản cố định	8.389.283.110	-	-	8.389.283.110
Bất động sản đầu tư	43.883.603.675	-	-	43.883.603.675
Lợi thế thương mại	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>171.522.943.175</b>	-	<b>278.371.198.375</b>	<b>449.894.141.551</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ ngắn hạn	100.784.993.780	-	-	100.784.993.780
Nợ dài hạn	2.940.129.836	-	-	2.940.129.836
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>103.725.123.616</b>	-	-	<b>103.725.123.616</b>

**8.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Xét trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**8.5 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024



NGUYỄN THỊ NGÀ  
Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ  
Kế toán trưởng



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN  
Giám đốc